

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** TH

Bản án số: 653/2017/HSPT

Ngày: 26/9/2017

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Bảo Vĩnh;

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Minh Thu;

Ông Bùi Thế Linh.

Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Th□ ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 1002/2016/TLPT-HS ngày 13 tháng 12 năm 2016 đối với bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “Vận chuyển tiền giả” do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2016/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Đức T sinh năm 1969; nơi ĐKKHKT: Xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở: Xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: Lớp 2/12; con ông Nguyễn Đức C và bà Đỗ Thị T1 (đều đã chết); có vợ và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2001; Có 04 tiền án, tiền sự:

- Ngày 06/4/1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân” và 01 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”; tổng hợp hình phạt là 05 năm tù.

- Ngày 29/11/2001 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa vào cơ sở giáo dục A1 thuộc huyện T, tỉnh Phú Yên trong thời gian 24 tháng vì có hành vi gây rối trật tự công cộng và trộm cắp tài sản.

- Ngày 12/9/2005, Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 06 năm tù về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

- Ngày 01/7/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, 01 năm tù giam về tội “Trốn khỏi nơi giam”, tổng hợp hình phạt là 07 năm tù giam

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2015; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 20 phút ngày 19/12/2015, Tổ công tác của phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ gần Trạm Kiểm soát liên hợp Dốc Quýt thuộc thôn T, xã P1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang Nguyễn Đức T, chỗ ở Xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đang có hành vi vận chuyển 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, loại polime mệnh giá 200.000 đồng/tờ nghi là tiền giả.

Tại Kết luận số 28/GĐ-PC54 ngày 20/12/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 500 tờ tiền Việt Nam loại polime mệnh giá 200.000đồng/tờ = 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thu giữ của Nguyễn Đức T là tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giả.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Ngày 25/10/2015, Nguyễn Đức T được mãn hạn tù, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên T đã nảy sinh ý định mua tiền giả về tiêu thụ. Chiều ngày 22/12/2015, T đi từ tỉnh Đắk Nông ra cửa khẩu T - Lạng Sơn, thuê nghỉ trọ tại nhà của anh Ngô Thiện V và chị Nguyễn Thị H, (địa chỉ: Đường B, xã T1, huyện V, tỉnh Lạng Sơn). Ngày 17/12/2015, tại cửa khẩu T, T gặp một người phụ nữ bán hàng rong) không biết họ tên, địa chỉ cụ thể hỏi T có mua tiền giả không. T đồng ý và được người phụ nữ cho số điện thoại và T lưu vào điện thoại lấy tên là “Te”. Sau đó T đã điện cho số đó thì có một người nam giới nghe điện thoại và hẹn gặp T ở Đền Mẫu, Đồng Đăng. Khi gặp, T đã trao đổi với người nam giới là muốn mua 100.000.000 đồng tiền giả, người đó đồng ý bán với giá 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Đến buổi chiều cùng ngày, người nam giới liên lạc với T và hẹn gặp ở bên xe phía Bắc, huyện C để nhận tiền giả. Khi gặp T đưa cho người đàn ông 45.000.000 đồng và T nhận lại chiếc đầu kỹ thuật số mang về nhà trọ tại cửa khẩu T. Sau đó T mượn của anh Ngô Thiện V chiếc tô vít để tháo ra lấy tiền giả thì phát hiện bên trong chỉ có hai mảnh ngói. Biết bị lừa nên T đã vứt hai mảnh ngói đi và giữ lại chiếc đầu kỹ thuật số.

Vài ngày sau đó, T đã gặp một người đàn ông tên H1, khoảng hơn 30 tuổi, quê ở thành phố Hà Nội (không biết họ và tên, địa chỉ cụ thể). Qua nói chuyện, T biết H1 có thói mua tiền giả và hai người thống nhất cùng nhau mua tiền giả về tiêu thụ. H1 cho T số điện thoại của người bán tiền giả và T đã lưu tên trong điện thoại là “ĐT”. Sau đó T gọi điện đặt mua 100.000.000 đồng tiền giả với giá 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Do lần trước đã bị lừa hết tiền nên lần này T đã gọi điện cho ông Nguyễn Văn L (là chú họ của T) vay 20.000.000 đồng, vay của anh Nguyễn Văn C1 (là em họ của T) 500.000 đồng và vay của anh Đinh Hồng P (là bạn của T) 2.000.000 đồng. Vì không có chứng minh nhân dân nên T đã nhờ chứng minh thư nhân dân của ông Ngô Thiện V và nhờ ông V ra bưu điện rút tiền hộ.

Ngày 19/12/2015, T cùng ông V ra bưu điện T, huyện V để rút tiền. Tại đây, ông V dùng chứng minh nhân dân của mình để rút 22.500.000 đồng, tiền chi phí dịch vụ hết 100.000 đồng và đưa cho T, T trả công ông V 200.000 đồng. Sau đó, T và H1 đi xe ô tô khách đến quán nước gần Trạm kiểm soát liên hiệp Dốc Quýt gặp người bán tiền giả. Tại đây T đưa cho H1 21.800.000 đồng, số tiền thiếu còn lại H1 bù vào để mua 100.000.000 đồng tiền giả. Sau đó T đi cùng người thanh niên đi lấy tiền ở thị trấn Đ, còn H1 chờ ở quán nước. Sau khi lấy được tiền giả, T thuê xe ôm của anh Nguyễn Văn Đ chở đến gần Trạm kiểm soát liên hiệp Dốc Quýt thuộc địa phận Quốc lộ 1A thôn T, xã P1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để bắt xe khách về thành phố Hà Nội thì bị phát hiện bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ những vật chứng gồm: 100.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giả loại mệnh giá 200.000 đồng/tờ = 500 tờ (đã niêm phong); 01 (một) túi xách màu xanh da trời bằng vải bạt, có hai quai màu đen, bên cạnh túi có ghi chữ SPOT đã qua sử dụng; 01 (một) dùi cui điện, vỏ nhựa, màu đen kí hiệu 928 TYPE; 02 (hai) bình xịt hơi cay màu đen có chữ POLICE và nhiều chữ Trung Quốc; 01 (một) túi nilon màu tím có họa tiết hoa văn màu trắng (dùng để đựng tiền giả); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA model 1280 màu đen đã qua sử dụng, số seri 35517705124726 bên trong lắp 01 (một) sim Viettel số thuê bao 01656896975; 01 (một) đơn trình bày mang tên Nguyễn Đức T có xác nhận của Công an xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; 01 (một) áo mưa màu xanh tím than, trước ngực áo bên trái có logo KAKODO HIGH QUALITY, áo có mũ chiều dài 01m, chiều rộng 60cm, chiều dài cánh tay 50cm; 01 đầu kỹ thuật số ký hiệu CHD02, nắp đã bị tháo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2016/HSST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 180; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 (Mười hai) năm tù về tội “Vận chuyển tiền giả”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2015.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2016, bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo cho rằng: chiếc túi xách trong chứa 100 triệu đồng tiền giả là túi của người nam giới có tên là H1 (không phải túi của T). Quá trình điều tra vì bị đánh, bị ép cung nên lúc đầu bị cáo phải nhận chiếc túi xách đó là của T. Do vậy bị cáo bị kết tội oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Đức T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Vận chuyển tiền giả” theo khoản 3 Điều 180 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan.

Về kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đức T: Căn cứ vào Biên bản phạm tội quả tang, lời khai nhận tội ban đầu của bị cáo Nguyễn Đức T phù hợp với lời khai của các nhân chứng Vi Văn T2, Nguyễn Văn Đ và phù hợp vật chứng thu được thì có đủ cơ sở khẳng định chiếc túi xách bên trong chứa 100 triệu đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam giả là của bị cáo Nguyễn Đức T mua của người không quen biết từ Lạng Sơn đem về Hà Nội tiêu thụ. Do đó kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đức T là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, xử bác kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Mặc dù bị cáo Nguyễn Đức T một mực kêu oan, không nhận chiếc túi xách bên trong có chứa 100 triệu đồng tiền giả là của bị cáo mà theo bị cáo thì chiếc túi và số tiền giả đó là của người tên là H1. Nhưng căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang (Bút lục 01, 02, 03) có sự tham gia, chứng kiến và xác nhận của Phó trưởng Công an xã P1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nhân chứng Vi Văn T2 và Nguyễn Văn Đ là những người chở xe ôm cùng tham gia truy tìm, bắt bị cáo T đều khẳng định chiếc túi và 100 triệu đồng tiền giả là của bị cáo Nguyễn Đức T.

Ngay tại lúc bắt quả tang, bị cáo Nguyễn Đức T đã khai nhận: “*T cùng người nam giới có tên H1 cùng thống nhất đi mua tiền Ngân hàng Việt Nam giả đem về Hà Nội tiêu thụ, Nguyễn Đức T có 21.800.000 đồng tiền Việt Nam thật, H1 đưa thêm tiền cho T để T trực tiếp đi cùng người có tên “ĐT” để*

lấy tiền giả (còn H1 thì chờ ở quán nước). T đi cùng “ĐT” đi vào một ngõ nhỏ ở ngã ba thị trấn Đ rồi “ĐT” nhét một túi ni lon đựng tiền giả để dưới chân cột bờ rào trong ngõ nhét vào trong túi xách màu xanh T mang theo. Nhận tiền xong tôi (T) một mình đi ra đầu ngõ đón xe ôm đi ra gần trạm Dốc Quýt. Tôi cùng xe ôm đứng bên đường gần trạm Dốc Quýt, H1 đứng cách tôi một đoạn cùng chờ đón xe khách về Hà Nội thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang đang mang theo tiền giả vừa mua được. Kiểm đếm cụ thể tại cơ quan Công an số tiền giả của tôi gồm 5 cọc mỗi cọc gồm 100 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000 (hai trăm ngàn đồng) ngoài ra trong túi xách của tôi có một dùi cui điện, một bình xịt hơi cay, trong cặp quần giắt một bình xịt hơi cay”.

Tại các bút lục 56, 57, 60 (Nguyễn Đức T khai hồi 19 giờ 30 phút ngày 19/12/2015 - Tại tổ Tuyên phòng PC45 thị trấn Đ, Cao Lộc, Lạng Sơn - ngay sau khi bị bắt quả tang). Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đức T còn thể hiện ở các bút lục từ 96 đến 99.

Nhân chứng:

1. Anh Nguyễn Văn Đ - người đã chở Nguyễn Đức T từ khu vực Ngã Ba đôi tiền tại thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến khu vực Dốc Quýt đối diện Đội kiểm soát hải quan thuộc quốc lộ 1A, xã P1, huyện C, Lạng Sơn. (Tại bút lục 129, 131, 132 đến 145).

2. Nhân chứng Vi Văn T2 là người hành nghề xe ôm được Công an huy động làm nhiệm vụ truy bắt đối tượng khẳng định tại khu vực đối diện trụ sở Đội kiểm soát chống buôn lậu - Cục hải quan, anh nhìn thấy đối tượng (T) cầm túi xách màu xanh đặt lên lan can của đường rồi đứng chờ xe (từ BL 138 đến 146).

Với các chứng cứ nêu trên thấy hoàn toàn phù hợp từ Biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ, lời khai của các nhân chứng thì có đủ cơ sở khẳng định chiếc túi xách màu xanh bên trong có 05 cọc tiền Việt Nam giả loại mệnh giá 200.000 đồng (mỗi cọc 100 tờ x 5 cọc = 500 x 200.000 đồng = 100.000.000 đồng) là của Nguyễn Đức T. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử bị cáo Nguyễn Đức T về tội “Vận chuyển trái phép tiền giả” là đúng người, đúng tội và không oan. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T kêu oan nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đức T là rất nghiêm trọng, bị cáo đã mua 100 triệu đồng tiền Ngân hàng Việt Nam giả để lưu T. Hành vi phạm tội đó chẳng những xâm hại nghiêm trọng đến chính sách quản lý tài chính, tiền tệ quốc gia, ảnh hưởng xấu tới an ninh chính trị và trật tự xã hội, làm rối loạn thị trường và suy yếu nền kinh tế quốc gia. Do đó cần phải xét xử nghiêm minh. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo và

quyết định mức hình phạt 12 năm tù là phù hợp. Bởi vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên không xét.

Từ nhận định trên; căn cứ khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Đức T. Giữ nguyên Bản án số 75/2016/HSST ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, cụ thể là:

Áp dụng khoản 3 Điều 180; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức T** 12 năm tù (mười hai) năm tù về tội “Vận chuyển tiền giả”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2015.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Án phí: bị cáo Nguyễn Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Minh Thu

Bùi Thế Linh

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Đặng Bảo Vĩnh

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua trại);
- L- u HS, PHC-TP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Bảo Vĩnh